

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho kỳ hoạt động từ ngày 17/02/2016 đến 30/6/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016 (thuộc năm tài chính đầu tiên).

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Lý Hoàng Trung	Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Khện	Thành viên
- Ông Phạm Phước Tài	Thành viên
- Ông Huỳnh Công Tấn	Thành viên

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Bà Mai Thị Hiền	Trưởng ban
- Bà Phan Thị Hà Thanh	Kiểm soát viên

3. Ban giám đốc và Kế toán trưởng

Ban giám đốc và Kế toán trưởng tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
- Ông Trần Hoàng Khện	Giám đốc
- Ông Phạm Phước Tài	Phó giám đốc
- Ông Huỳnh Thiện Trị	Kế toán trưởng

4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà mau.

5. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016 được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 28.

Các kết quả tài chính

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.379.537.636 VND
- Lỗ khác	-5.085.618 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.374.452.018 VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	877.392.699 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.497.059.319 VND

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 21/08/2012 của UBND Tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có**9. Kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính nêu trên của Công ty.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty, không có khoản nợ không lường trước hay các khoản nợ khác có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty.

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty và không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được lập và thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Cà Mau, ngày 15 tháng 12 năm 2016

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ HOÀNG TRUNG

Số: 065/2016/DFK-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công Ty Cổ Phần Cấp nước Cà Mau "Công ty" tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Thông qua công tác soát xét, chúng tôi có những nhận xét như sau:

- Như đã nêu tại mục V.11 của Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư khoản thu hồi tạm ứng từ nhà thầu Ý phải trả Ngân sách tại ngày 30/06/2016 là 485.659,65 EUR tương đương 12.111.866.011 đồng. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc EUR nêu trên số tiền 928.678.791 đồng đang được hạch toán ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán. Theo Ban Giám đốc Công ty, khoản nợ phải trả cũng như khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái nêu trên sẽ tùy thuộc vào Quyết định của Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Ý.
- Như đã nêu tại điểm (e3) mục V.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng chi phí cổ phần hóa chưa được Công ty ghi nhận vào chi phí trước cổ phần hóa mà còn ghi nhận ở khoản mục phải thu về cổ phần hóa số tiền 3.863.938.287 đồng.
- Như đã nêu tại điểm (e) mục V.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã kết chuyển giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và chi phí chờ phân bổ của Xí nghiệp Năm Căn sang Tài khoản 138 – Phải thu khác với số tiền lần lượt là 6.436.808.259 đồng, 150.497.600 đồng và 1.887.072.758 đồng trong khi chờ chuyển nhượng trước khi cổ phần hóa. Điều này không phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Như đã nêu tại mục V.11 của Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã kết chuyển số dư Quỹ lương phải trả cho người lao động và Quỹ khen thưởng phúc lợi trước khi cổ phần hóa sang tài khoản 338 – Phải trả ngắn hạn khác với số tiền lần lượt là 12.083.297.645 đồng và 12.582.015.712 đồng do không đủ nguồn tiền để chi trả và chờ ý kiến chỉ đạo của cơ quan chủ quản trước khi cổ phần hóa. Vấn đề này sẽ tùy thuộc vào Quyết định của Ban đổi mới doanh nghiệp.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ ĐÌNH HUYỀN
Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 1756-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 15 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số : B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	17/02/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229.050.855.690	243.706.454.803
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.1	2.734.698.436	20.607.491.601
1. Tiền	111		2.734.698.436	20.607.491.601
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	V.2	14.911.599.444	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.911.599.444	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	V.3	184.382.041.004	195.459.255.340
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11.805.076.410	9.666.284.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.935.269.943	2.160.440.002
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		168.641.694.651	183.614.585.811
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	17.945.469
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.4	27.022.516.806	27.556.668.206
1. Hàng tồn kho	141		27.022.516.806	27.556.668.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		-	83.039.656
1. Thuế và các khoản khác phải thu	153	V.10	-	83.039.656
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.496.148.101	234.209.250.853
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		226.168.552.553	160.414.166.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	225.956.930.515	160.200.166.468
- Nguyên giá	222		303.611.855.383	225.858.494.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.654.924.868)	(65.658.328.354)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	211.622.038	214.000.000
- Nguyên giá	228		318.832.474	214.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(107.210.436)	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		39.821.415.684	64.791.100.156
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	39.821.415.684	64.791.100.156
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		10.506.179.864	9.003.984.229
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	10.506.179.864	9.003.984.229
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		505.547.003.791	477.915.705.656

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu số : B 01 - DN

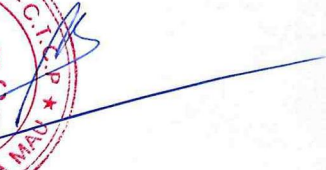
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	17/02/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		347.629.623.263	345.879.491.326
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		308.964.413.020	304.010.014.770
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	186.969.679.530	207.736.833.951
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	3.727.342.811	6.538.298.695
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.752.999.743	1.607.563.276
4. Phải trả người lao động	314		3.542.645.546	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	300.279.038
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	113.055.352.365	87.827.039.810
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(83.606.975)	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		38.665.210.243	41.869.476.556
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	38.665.210.243	41.869.476.556
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.917.380.528	132.036.214.330
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	V.13	157.917.380.528	132.036.214.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.349.000.000	86.462.771.356
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.349.000.000	86.462.771.356
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(928.678.791)	(1.058.835.577)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.953.083.095
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.497.059.319	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.497.059.319	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	41.679.195.456
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		505.547.003.791	477.915.705.656


TRẦN NGỌC THUY
 Người lập
 Ngày 15 tháng 12 năm 2016


HUỲNH THIÊN TRÍ
 Kế toán trưởng




TRẦN HOÀNG KHẾN
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Cho giai đoạn tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 30/6/2016*

Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn TC này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.983.783.768	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	42.983.783.768	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.441.625.994	-
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		11.542.157.774	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	270.241.069	-
7. Chi phí tài chính	22		846.722.946	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		846.722.946	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	1.419.702.493	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.166.435.768	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.379.537.636	-
11. Thu nhập khác	31	VI.6	25.371.328	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	30.456.946	-
13. Lợi nhuận khác	40		(5.085.618)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.374.452.018	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	877.392.699	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	3.497.059.319	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	225	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		225	-


 TRẦN NGỌC HỮU
 Người lập
 Ngày 15 tháng 12 năm 2016


 HUỲNH THIÊN TRỊ
 Kế toán trưởng




 TRẦN HOÀNG KHẾN
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho giai đoạn tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số : B 03 - DN

Đơn vị tính : VND

Chi tiêu	Mã số	Giai đoạn TC này	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	44.622.459.700	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(38.664.800.345)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.545.375.594)	-
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(846.722.946)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(900.000.000)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	24.618.947.082	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.197.144.095)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.087.363.802	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.112.631.641)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.911.599.444)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	268.340.431	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.755.890.654)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.204.266.313)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.204.266.313)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(17.872.793.165)	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.607.491.601	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.734.698.436	-



TRẦN NGỌC THUY
Người lập
Ngày 15 tháng 12 năm 2016



HUỲNH THIÊN TRỊ
Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG KHẾN
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**12. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ – UBND ngày 21/8/2012 của UBND Tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 155.349.000.000 bao gồm 15.534.900 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 với tỷ lệ sở hữu như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	13.436.000	134.360.000.000	86,49%
- Các cổ đông khác	2.098.900	20.989.000.000	13,51%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thể hiện trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016 là 155.349.000.000 và phù hợp với tỷ lệ nêu trên.

13. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và các dịch vụ có liên quan.

14. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố Cà Mau và các huyện trong tỉnh;
- Thiết kế và thi công giếng nước ngầm vừa và nhỏ (có công suất dưới 70m³/h);
- Tư vấn thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước;
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước và các sản phẩm liên quan đến nước sạch.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động nêu trên.

15. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình đô thị Cà Mau theo Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 21/8/2012 của UBND Tỉnh Cà Mau, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000101918 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

17. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Công ty có 7 Chi nhánh và 1 Xí nghiệp trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh Cà mau.

18. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 17/02/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016.

Các kỳ kế toán tiếp của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12/ hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Riêng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 30/06/2016 là do đánh giá lại số dư khoản bảo lãnh dự thầu của Chính phủ Ý còn được theo dõi trên TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán. Khoản nợ này đang chờ hướng xử lý của hai Chính phủ Ý và Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc trích lập và hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Tại ngày 30/06/2016, Công ty không có hàng tồn kho bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	04 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn ngoại trừ khoản tiền gửi có kỳ hạn.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản đi vay được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không có khoản chi phí lãi vay nào cần được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp thỏa mãn các điều kiện của Chuẩn mực kế toán về ghi nhận doanh thu.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Năm tài chính 2016, Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong giai đoạn tài chính này, Công ty không phát sinh chi phí thuế TNDN hoãn lại.

16. Số dư đầu kỳ

Số dư đầu kỳ tại ngày 17/02/2016 là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2016	17/02/2016
Tiền mặt	71.934.249	689.729.329
Tiền gửi ngân hàng	2.662.764.187 (a)	19.917.762.272
Cộng	2.734.698.436	20.607.491.601

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND)	2.321.009.564
- Ngân hàng Công thương VN, CN Cà Mau (242,45 EUR)	5.892.252
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN, CN Cà Mau (VND)	335.862.371
Cộng	2.662.764.187

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Khoản mục	30/06/2016	17/02/2016
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.911.599.444	-
Cộng	14.911.599.444	-

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương VN, CN Cà Mau (VND).

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản mục	30/06/2016	17/02/2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	11.805.076.410 (b)	9.666.284.058
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.935.269.943 (c)	2.160.440.002
Phải thu ngắn hạn khác	168.641.694.651 (d)	183.614.585.811
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	17.945.469
Cộng	184.382.041.004	195.459.255.340

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/06/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Phải thu các công trình xây lắp	8.238.862.477	-
- Phải thu tiền nước và lắp đặt ống nhánh	3.566.213.933	-
Cộng	11.805.076.410	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*(c) *Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2016 như sau:*

<i>Người bán</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
- Bebinggsa – Via E Marelli 165	373.662.529	-
- Công ty TNHH TVXDHTTK & MT Thanh Hưng	617.372.700	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng CTN	556.883.367	-
- Cty TNHH Khoan ĐC CTĐCTV Hoàng Kim	489.645.200	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất	206.265.819	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lê Vy	510.237.500	-
- Xí nghiệp Môi trường	210.055.386	-
- Khương Văn Dũng	278.971.210	-
- Các nhà cung cấp khác	692.176.232	-
Cộng	3.935.269.943	-

(d) *Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2016 như sau:*

	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
- Dư Nợ 138 – Phải thu khác (e)	56.003.701.086	1.473.748.585
- Dư Nợ 141 – Tạm ứng (f)	111.131.924.458	-
- Dư Nợ 244 – Ký quỹ (g)	147.169.704	-
- Dư Nợ 338 – Phải trả khác (h)	1.358.899.403	-
Cộng	168.641.694.651	1.473.748.585

(e) *Chi tiết số dư Nợ TK 138 - Phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2016 như sau:*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Trong đó nợ khó đòi</i>
- Phải thu tiền lãi cho các đội vay (e1)	1.046.179.384	-
- Phải thu tiền mua vật tư hộ cho các đội (e2)	35.319.001.999	-
- Phải thu chi phí BQLDAXDHTTN&XLNT TP. Cà Mau	17.733.990	-
- Phí bảo vệ môi trường	83.907.564	-
- Chi phí cổ phần hóa (e3)	3.863.938.287	-
- TSCĐVH của XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	150.497.600	-
- TSCĐHH của XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	6.436.808.259	-
- Chi phí chờ phân bổ - XN Năm Căn chờ chuyển nhượng	1.887.072.758	-
- Phải thu tiền cho vay – Cao Minh Hoàng (e4)	400.000.000	-
- Phải thu lại bên thi công khoản vượt Quyết toán	2.079.101.962	-
- Các khoản phải thu khác	4.719.459.283	1.473.748.585
Cộng	56.003.701.086	1.473.748.585

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(e1) Chi tiết số dư phải thu tiền lãi cho các đội vay như sau:

	Số tiền
- Khương Văn Dũng	995.257.384
- Cao Minh Hoàng	50.922.000
Cộng	1.046.179.384

(e2) Chi tiết số dư phải thu tiền chi hộ mua vật tư cho các đội như sau:

	Số tiền
- Khương Văn Dũng	34.900.909.946
- Cao Minh Hoàng	410.592.053
- Huỳnh Công Tấn	7.500.000
Cộng	35.319.001.999

Các khoản phải thu của các đội thi công xây lắp nêu từ (e1) đến (e2) phát sinh đã từ nhiều năm trước lũy kế đến nay do chậm quyết toán công trình nên khó thu hồi.

(e3) Đây là chi phí thực hiện công tác cổ phần hóa, bao gồm cả chi phí trợ cấp thôi việc và xử lý lao động dôi dư trước khi cổ phần hóa. Công ty xin ý kiến xử lý trước khi cổ phần hóa nhưng đến nay vẫn chưa được xử lý.

(e4) Đây là khoản cho vay để thi công công trình, tuy nhiên công trình này đã tạm ngưng thi công hoặc chậm quyết toán nên Công ty đã tạm ngưng tính lãi vay.

(f) Chi tiết số dư tạm ứng tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền	Trong đó nợ khó đòi
- Cao Minh Hoàng	3.200.000.000	-
- Đặng Thái Ngân	734.500.000	-
- Khương Văn Dũng	105.066.035.251	-
- Các cá nhân khác	2.131.389.207	-
Cộng	111.131.924.458	-

(g) Chi tiết số dư các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Công ty Điện lực Cà Mau	117.169.704
- Bảo lãnh dự thầu công trình di dời ống nước	30.000.000
Cộng	147.169.704

(h) Chi tiết số dư Nợ TK 338 tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Phải thu tiền chế độ ốm đau	255.294.445
- Kinh phí công đoàn	124.508.816
- Chuyển vốn qua Công ty Môi trường Đô thị Cà Mau	675.981.500
- Nộp xuất toán các công trình xây dựng	286.713.000
- Các đối tượng khác	16.401.642
Cộng	1.358.899.403

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. Hàng tồn kho**

<i>Khoản mục</i>	<i>30/06/2016</i>	<i>17/02/2016</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	8.279.464.895	7.316.239.772
Công cụ, dụng cụ trong kho	32.776.181	28.070.637
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.710.275.730	20.212.357.797
Cộng giá gốc hàng tồn kho	27.022.516.806	27.556.668.206

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(i) *Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại các đơn vị trực thuộc tại ngày 30/06/2016 như sau:*

	<i>Số tiền</i>
- Văn phòng Công ty	6.857.011.401
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty	1.393.566.006
- Nhiên liệu	28.887.488
Cộng	8.279.464.895

(j) *Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30/06/2016 như sau:*

	<i>Số tiền</i>
- Chi phí xây lắp các công trình dở dang	18.710.275.730
Cộng	18.710.275.730

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	17/02/2016	Tăng	Giảm	30/06/2016
Nguyên giá	225.858.494.822	77.858.193.035	104.832.474	303.611.855.383
- Nhà cửa, vật kiến trúc	215.050.044.679	76.530.732.164	-	291.580.776.843
- Máy móc, thiết bị	5.329.160.266	1.135.058.759	-	6.464.219.025
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.647.070.615	192.402.112	-	1.839.472.727
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.832.219.262	-	104.832.474	3.727.386.788
Hao mòn lũy kế	65.658.328.354	12.093.056.950	96.460.436	77.654.924.868
- Nhà cửa, vật kiến trúc	60.379.055.463	11.240.767.527	-	71.619.822.990
- Máy móc, thiết bị	4.372.377.495	454.822.113	-	4.827.199.608
- PT vận tải, TB truyền dẫn	179.161.524	76.453.598	-	255.615.122
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	727.733.872	321.013.712	96.460.436	952.287.148
Giá trị còn lại	160.200.166.468			225.956.930.515
- Nhà cửa, vật kiến trúc	154.670.989.216			219.960.953.853
- Máy móc, thiết bị	956.782.771			1.637.019.417
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.467.909.091			1.583.857.605
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.104.485.390			2.775.099.640

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

Số tiền

Tăng do mua sắm**113.311.000**

- Lam chắn mưa nắng

113.311.000

Tăng do kết chuyển từ công trình XD CB sang**27.034.748.984**

- Hệ thống dự án cấp nước TP. Cà Mau

26.348.715.384

- Lắp đặt tuyến ống

686.033.600

Tăng do đánh giá lại tài sản theo Biên bản XD GTDN**50.710.133.051****Cộng****77.858.193.035**

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong giai đoạn tài chính này như sau:

Số tiền

- Kết chuyển phần mềm kế toán sang TSCĐ vô hình

104.832.474

Cộng**104.832.474**

- Giá trị còn lại của TSCĐHH đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: Không có

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 472.516.512

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	17/02/2016	Tăng	Giảm	30/06/2016
Nguyên giá	214.000.000	104.832.474	-	318.832.474
Quyền sử dụng đất	85.000.000	-	-	85.000.000
Phần mềm quản lý	129.000.000	104.832.474	-	233.832.474
Hao mòn lũy kế	-	107.210.436	-	107.210.436
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm quản lý	-	107.210.436	-	107.210.436
Giá trị còn lại	214.000.000			211.622.038
Quyền sử dụng đất	85.000.000			85.000.000
Phần mềm quản lý	129.000.000			126.622.038

Chi tiết tài sản cố định vô hình tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển phần mềm kế toán từ TSCĐ hữu hình sang	104.832.474
Cộng	104.832.474

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2016 như sau:

Công trình	30/06/2016	17/02/2016
- Dự án cấp nước TP. Cà Mau	-	20.417.290.046
- Hệ thống thoát nước giai đoạn 1	1.093.899.999	-
- Hệ thống thoát nước giai đoạn 2	-	4.560.265.345
- Hệ thống cấp nước Rạch Gốc	25.573.975.488	35.030.650.094
- Hệ thống cấp nước khối huyện	8.030.618.846	1.235.443.291
- Hệ thống cấp nước Trần Văn Thời	275.591.819	275.591.819
- Các công trình nội bộ	434.655.848	-
- Hệ thống cấp nước U Minh	613.333.239	613.333.239
- Hệ thống cấp nước Cái nước	-	1.449.336.182
- Các công trình khác	3.799.340.445	1.209.190.140
Cộng	39.821.415.684	64.791.100.156

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	30/06/2016	17/02/2016
- Chi phí lắp đặt ống nhánh, chi phí nhân công lắp đặt thủy lượng kế và giá trị CCDC chờ phân bổ	9.321.332.767	9.003.984.229
- Giá trị CCDC tăng thêm do đánh giá lại theo BBXĐGTDN	661.860.000	-
- Lợi thế thương mại	522.987.097	-
Cộng	10.506.179.864	9.003.984.229

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản mục	30/06/2016	17/02/2016
Phải trả người bán ngắn hạn	186.969.679.530 (k)	207.736.833.951
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.727.342.811 (l)	6.538.298.695
Cộng	190.697.022.341	214.275.132.646

(k) Chi tiết số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Phải trả chi phí xây lắp cho các đội và các nhà cung cấp (k1)	186.042.285.027
- Vật tư thừa - do xuất toán	927.394.503
Cộng	186.969.679.530

(k1) Trong đó, chi tiết số dư phải trả cho các nhà cung cấp và các đội thi công tại ngày 30/6/2016 như sau:

	Số tiền
- Bebinggspa – Via E Marelli 165	1.063.358.863
- Công ty TNHH TVXDHTTK & MT Thanh Hưng	699.742.957
- Công ty Đầu tư & Xây dựng CTN	1.114.837.701
- Công ty CP Xây lắp Miền Nam	1.153.147.000
- Công ty TNHH XDTM CTN Phương Nam	371.254.000
- Công ty CP Tư vấn XD & MT Nam Bộ	345.425.520
- Công ty CP Hawaco Miền Nam	418.000.000
- Điện lực Cà Mau	483.620.848
- BQL dự án Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau	1.319.447.532
- Công ty TNHH TMDV Huỳnh Gia	1.222.340.186
- Xí nghiệp Cấp nước	5.006.425.384
- Xí nghiệp Môi trường	3.286.630.298
- Nguyễn Hữu Huy (chưa tất toán công trình)	1.962.881.077
- Khương Văn Dũng (tập hợp vật tư công trình)	161.418.171.143
- Nguyễn Việt Trung (tiền vật tư thừa chờ xử lý giảm)	491.063.163
- Đặng Xuân Thảo (chưa tất toán công trình)	412.205.334
- Cao Minh Hoàng (chưa tất toán công trình)	3.050.504.908
- Nguyễn Văn Khanh (chưa tất toán công trình)	332.883.670
- Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.890.345.443
Cộng	186.042.285.027

(l) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Khách hàng trả trước tiền xây lắp theo tiến độ	3.727.342.811
Cộng	3.727.342.811

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Phải nộp	1.524.523.620	6.602.645.431	6.374.169.308	1.752.999.743
- Thuế GTGT đầu ra	-83.039.656	1.243.887.360	918.906.407	241.941.297
- Thuế TNDN	563.375.904	877.392.699	900.000.000	540.768.603
- Thuế TNCN	-	128.483.571	128.483.571	-
- Thuế tài nguyên	459.992.875	1.386.783.739	1.521.821.463	324.955.151
- Thuế nhà đất	-	32.150.822	32.150.822	-
- Các loại thuế khác	80.396.880	12.511.477	12.511.477	80.396.880
- Phí, lệ phí và PN khác	503.797.617	2.921.435.763	2.860.295.568	564.937.812
Cộng	1.524.523.620	6.602.645.431	6.374.169.308	1.752.999.743

11. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	17/02/2016
BHXH, BHYT, BHTN	678.561.487	673.419.415
Ngân sách cho tạm ứng 15% giá trị gói thầu DACN	4.000.000.000	4.000.000.000
Thu hồi tạm ứng từ nhà thầu Ý trả Ngân sách	12.111.866.011	(&) 12.242.022.797
Quỹ tiền lương năm trước còn lại chưa chi (*)	12.083.297.645	18.337.955.645
Tạm ứng vốn thi công	5.400.000.000	5.400.000.000
Phải nộp Ngân sách từ lợi nhuận sau thuế	3.855.788.019	3.855.788.019
Phí bảo vệ môi trường	457.150.558	518.652.821
Thuế tài nguyên Ngân sách cấp nộp	8.422.722.654	8.337.021.179
Quỹ khen thưởng – phúc lợi chưa chi	12.582.015.712	(*) 12.834.442.004
Phải trả cổ phần hóa (40% cổ phần ưu đãi)	2.377.200.000	-
Phải trả về cổ phần hóa (Vốn Nhà nước)	31.294.694.921	-
Cổ phần bán đấu giá lần đầu	18.641.000.000	18.641.000.000
Công ty nước Khánh An	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.151.055.358	986.737.930
Cộng	113.055.352.365	87.827.039.810

(&) Đây là khoản Chính Phủ Ý bảo lãnh dự thầu cho Nhà thầu Ý số tiền 485.659,65 EUR. Khoản nợ này đang chờ hai Chính phủ Việt Nam và Ý thỏa thuận xử lý.

(*) Số dư quỹ lương và quỹ khen thưởng phúc lợi phải trả cho người lao động được Công ty kết chuyển sang theo dõi ở tài khoản 338 – Phải trả khác trước khi cổ phần hóa, chờ ý kiến xử lý của cơ quan chủ quản vì hiện nay Công ty không đủ nguồn tiền để chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. Vay dài hạn

	30/06/2016	17/02/2016
Ngân hàng		
Vay dài hạn	38.665.210.243 (o)	41.869.476.556
Cộng	38.665.210.243	41.869.476.556

(m) Chi tiết số dư khoản vay dài hạn tại ngày 30/06/2016 như sau:

	Số tiền
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay trực tiếp)	7.420.494.440
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam, KV Minh Hải (Vay lại từ nguồn vốn ODA - EUR (*))	27.813.167.377
- Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Cà Mau	3.431.548.426
Cộng	38.665.210.243

(*) Đây là khoản vay có nợ gốc là 1.427.414 EUR nhưng được trả gốc theo tỷ giá khi nhận nợ.

13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu giai đoạn tài chính này

Khoản mục	17/02/2016	Tăng	Giảm	30/06/2016
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.462.771.356	100.180.923.565 (31.294.694.921)		155.349.000.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(1.058.835.577)	130.156.786	-	(928.678.791)
- Quỹ đầu tư phát triển	4.953.083.095	- (4.953.083.095)		-
- Lợi nhuận ST chưa PP	-	3.497.059.319	-	3.497.059.319
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	41.679.195.456	- (41.679.195.456)		-
Cộng	132.036.214.330	103.808.139.670	77.926.973.472	157.917.380.528

Vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Cà Mau)	13.436.000	134.360.000.000	86,49%
- Các cổ đông khác	2.098.900	20.989.000.000	13,51%
Cộng	15.534.900	155.349.000.000	100,00%

Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái tại ngày 30/6/2016 là do đánh giá lại số dư khoản bảo lãnh dự thầu của Chính Phủ Ý. Khoản nợ này đang chờ hướng xử lý của hai Chính phủ Ý và Việt Nam.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo BBXĐGTDN	53.548.645.014
- Kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển của giai đoạn DNNN	4.953.083.095
- Kết chuyển từ Nguồn vốn ĐTXDCB của giai đoạn DNNN	41.679.195.456
Cộng	100.180.923.565

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm trong giai đoạn tài chính này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang khoản vốn thừa phải trả Nhà nước sau CPH	31.294.694.921
Cộng	31.294.694.921

Chi tiết Quỹ đầu tư phát triển giảm trong kỳ này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn phải trả Nhà nước trước khi CPH	4.953.083.095
Cộng	4.953.083.095

Nguồn vốn đầu tư XDCB giảm trong kỳ này như sau:

	Số tiền
- Kết chuyển sang vốn phải trả Nhà nước trước khi CPH	41.679.195.456
Cộng	41.679.195.456

(b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	-	-
▪ Vốn góp tăng trong năm	155.349.00.000	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	155.349.00.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(c) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: chưa công bố
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

(d) Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	15.534.900	-
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu thường	15.534.900	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>Khoản mục</i>	<i>Giai đoạn TC này</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu phí vệ sinh	188.203.801	-
- Sản xuất nước	40.006.674.673	-
- Lắp đặt ống ngánh	1.146.662.566	-
- Lắp đặt ống cái	175.363.638	-
- Xây lắp	1.450.515.452	-
- Dịch vụ khác	16.363.638	-
Cộng	42.983.783.768	-

2. Giá vốn hàng bán

<i>Khoản mục</i>	<i>Giai đoạn TC này</i>	<i>Năm trước</i>
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ cấp nước	29.997.702.597	-
- Giá vốn hàng bán – Dịch vụ xây lắp	1.443.923.397	-
Cộng	31.441.625.994	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Khoản mục</i>	<i>Giai đoạn TC này</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu lãi cho các đội vay	-	-
- Thu lãi tiền gửi ngân hàng	270.241.069	-
Cộng	270.241.069	-

4. Chi phí bán hàng

<i>Khoản mục</i>	<i>Giai đoạn TC này</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên	1.269.373.915	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.945.227	-
- Chi phí bằng tiền khác	140.383.351	-
Cộng	1.419.702.493	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<i>Khoản mục</i>	<i>Giai đoạn TC này</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.364.888.963	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	317.252.964	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	311.293.434	-
- Thuế, phí và lệ phí	32.150.822	-
- Chi phí bằng tiền khác	1.140.849.585	-
Cộng	5.166.435.768	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. Thu nhập khác***Khoản mục**Giai đoạn TC này**Năm trước*

- Nhượng bán phế liệu

4.000.000

-

- Thu nhập khác

21.371.328

-

Cộng**25.371.328**

-

7. Chi phí khác*Khoản mục**Giai đoạn TC này**Năm trước*

- Phạt chậm nộp thuế

12.511.477

-

- Xử lý hàng thiếu trong kiểm kê

17.945.469

-

Cộng**30.456.946**

-

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố*Khoản mục**Giai đoạn TC này**Năm trước*

- Chi phí nguyên vật liệu

5.226.955.452

-

- Chi phí nhân công

9.228.145.393

-

- Chi phí khấu hao TSCĐ

11.792.513.516

-

- Chi phí máy thi công

11.845.748

-

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

273.383.206

-

- Chi phí khác

3.390.414.301

-

- Chi phí bán hàng

1.419.702.493

-

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

5.166.435.768

-

Cộng**36.509.395.877**

-

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành*Khoản mục**Giai đoạn TC này**Năm trước*

- Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành

877.392.699

-

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào CPTTNDNHH năm nay

-

-

- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành

877.392.699

-

10. Phân phối lợi nhuận**Lợi nhuận kế toán trước thuế giai đoạn tài chính này****4.374.452.018**

Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế

12.511.477

Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế

-

Lợi nhuận chịu thuế giai đoạn tài chính này**4.386.963.495****Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)****877.392.699****Lợi nhuận sau thuế****3.497.059.319****Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30/06/2016****3.497.059.319**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lợi nhuận sau thuế	3.497.059.319	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	15.534.900	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	225	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: không có.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. *Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:* không có

2. *Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:* không có

3. *Thông tin về các bên liên quan:* không có

4. *Thông tin so sánh:*

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước và Công trình Đô thị Cà Mau kết thúc vào ngày 16/02/2016 đã được kiểm toán chuyển sang làm số dư đầu năm tài chính đầu tiên của Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau tại ngày 17/02/2016. Riêng các khoản mục Thuế phải thu và phải nộp Nhà Nước được được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế đến ngày 16/02/2016.

5. *Thông tin về hoạt động liên tục*

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

6. *Thay đổi chính sách kế toán:*

Năm 2016, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CÀ MAU

Số 204 đường Quang Trung, khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Cho kỳ tài chính từ ngày 17/02/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Trong kỳ, Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cấp nước và những dịch vụ liên quan đến hoạt động cấp nước, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

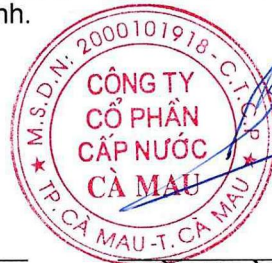
Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



TRẦN NGỌC THUY
Người lập
Ngày 15 tháng 12 năm 2016



HUỲNH THIÊN TRỊ
Kế toán trưởng



TRẦN HOÀNG KHỆN
Giám đốc